TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1-HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:176/2026/HNGĐ-ST
Ngày 04 tháng 9 năm 2026
"V/v ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-HƯNG YÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Dũng và bà Lê Thị Huyền.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng-Thẩm tra viên Tòa án, Toà án nhân dân khu vực 1- Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Hưng Yên tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Yến-Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 218/2026/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2026/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 99/2026/QĐST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1997-Vắng mặt.

Nơi đăng ký thường trú: thôn D, xã T, tỉnh H.

Chỗ ở hiện nay: thôn K, xã C, tỉnh L.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1988-Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn D, xã T, tỉnh H.

Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1966-Vắng mặt.

Địa chỉ: thôn D, xã T, tỉnh H.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình điều tra nguyên đơn trình bầy:

Chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện P, tỉnh H cũ, nay là UBND xã T, tỉnh H vào ngày 27/10/2021. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng kết hôn đã lâu mà không có con, cũng vì vậy nên vợ chồng bất đồng quan điểm, va chạm, lạnh nhạt với nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng ly thân nhau từ tháng 3 năm 2023 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải cho hai vợ

chồng nhưng vẫn không cải thiện được tình cảm vợ chồng. Vì vậy chị L cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức, ruộng cấy: Không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị L không còn yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho anh N thông qua người thân trong gia đình, chính quyền địa phương nhưng anh N cố tình vắng mặt không có lý do.

Ông Nguyễn Văn S là bố đẻ anh N trình bầy:

Chị L, anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện P, tỉnh H cũ nay là xã T, tỉnh H ngày 27/10/2021. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không hợp nên va chạm, cãi nhau, chị L bỏ đi không ở với anh N nữa. Anh N đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập Tòa án gửi cho anh N nhưng anh N bận nên không đến Tòa án làm việc. Anh N có nói với ông là chị L làm đơn thì cứ để chị L giải quyết vắng mặt.

Về con chung: Anh N, chị L không có con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh N không có tài sản chung.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

Về công sức, ruộng cấy: Không có gì.

Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh H cung cấp:

Anh Nguyễn Văn N, chị Hoàng Thị L kết hôn và đăng ký kết hôn ngày 27/10/2021 tại UBND xã Đ, huyện P, tỉnh H cũ nay là UBND xã T, tỉnh H. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì mâu thuẫn nên ly thân nhau. Về con chung: Anh N, chị L không có con chung. Khi Tòa án gửi Thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập cho anh N, UBND xã đã tống đạt cho anh N thông qua bố đẻ của anh N. Hiện tại anh N vẫn đang có mặt tại địa phương.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng

mặt vì vậy việc Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị L.

Xử cho chị L ly hôn anh N.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ, công sức, ruộng cấy: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh N nhiều lần để lấy lời khai, cung cấp chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng anh N vắng mặt. Anh N đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đến phiên tòa nhưng anh N vẫn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện P, tỉnh H cũ, nay là UBND xã T, tỉnh H vào ngày 27/10/2021 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 3 năm 2023 thì mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do không hợp nhau về lối sống, tính nết, vợ chồng ly thân nhau từ đó cho đến nay. Hai bên gia đình đã hòa giải cho hai vợ chồng nhưng vẫn không cải thiện được tình cảm vợ chồng. Anh N nhiều lần được Tòa án triệu tập đến làm việc nhưng vẫn cố tình vắng mặt cũng phần nào thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L, anh N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống ly thân nhau đã lâu vì vậy cần giải quyết cho chị L ly hôn anh N để các bên sớm ổn định cuộc sống.

[3]. Về con chung: Căn cứ lời trình bầy của chị L, ông Sơn, cung cấp của UBND xã Tiên Tiến thì vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[4]. Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5]. Về nợ chung: Chị L trình bầy vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6]. Về công sức, ruộng cấy: Chị L khẳng định không có gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Anh N vắng mặt, chưa có quan điểm cụ thể về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản, nợ, công sức, ruộng cấy nên nếu sau này anh N có đơn yêu cầu giải quyết về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung vợ chồng, công sức, ruộng cấy thì có quyền yêu cầu bằng vụ việc khác.

[7]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8]. Các vấn đề khác Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, Điều 227 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị L ly hôn anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Chị L, anh N không có con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về nợ chung: Chị L trình bầy vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về công sức, ruộng cấy: Chị L khẳng định không có gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Anh N vắng mặt, chưa có quan điểm về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản, nợ, công sức, ruộng cấy nên nếu sau này anh N có yêu cầu về những vấn đề nêu trên, thì có quyền yêu cầu giải quyết bằng vụ kiện khác.

Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, đối trừ vào số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001767 ngày 08/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, chị L đã nộp đủ án phí ly hôn.

Các vấn đề khác Hội đồng xét xử không xét.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Hưng Yên;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 1- Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn: UBND xã T, tỉnh H;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Văn Tuấn